

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2017

NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017		01/01/2017	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.395.413.793		142.387.186.401	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.659.606.277		45.735.185.677	
1. Tiền	111		6.659.606.277		19.935.185.677	
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000		25.800.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.013.562.593		17.259.144.493	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.763.968.229		8.120.013.307	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.062.266.375		6.631.939.166	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	4.105.978.721		4.425.842.752	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.918.650.732)		(1.918.650.732)	
IV. Hàng tồn kho	140		17.881.677.542		69.533.436.015	
Hàng tồn kho	141	V.6	17.881.677.542		69.533.436.015	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.840.567.381		9.859.420.216	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.526.347.806		2.151.994.802	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.314.219.575		7.707.425.414	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		385.792.033.859		314.843.657.220	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		154.891.643		165.608.583	
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	154.891.643		165.608.583	
II. Tài sản cố định	220		217.999.554.311		240.416.015.921	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	217.642.006.704		239.978.579.253	
Nguyên giá	222		673.741.833.278		666.082.581.898	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(456.099.826.574)		(426.104.002.645)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	357.547.607		437.436.668	
Nguyên giá	228		4.164.186.666		3.964.186.666	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.806.639.059)		(3.526.749.998)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.076.401.590		14.400.075.773	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	23.076.401.590		14.400.075.773	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000		8.330.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000		8.330.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		144.552.856.315		59.853.626.943	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	144.552.856.315		59.853.626.943	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		484.187.447.652		457.230.843.621	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		298.952.293.280	247.897.660.145
I. Nợ ngắn hạn	310		272.223.206.755	221.737.389.399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	161.727.156.525	111.138.542.405
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	14.718.906.416	3.726.004.997
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	11.977.958.444	16.548.788.705
4. Phải trả người lao động	314		3.939.162.846	15.051.717.344
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	55.955.916.401	51.944.081.621
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	20.618.224.803	18.847.213.384
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	465.717.983	2.199.169.755
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.820.163.337	2.281.871.188
II. Nợ dài hạn	330		26.729.086.525	26.160.270.746
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	21.229.137.196	20.660.321.417
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	5.499.949.329	5.499.949.329
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		185.235.154.372	209.333.183.476
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	185.235.154.372	209.333.183.476
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.113.094.929	57.386.667.692
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.877.940.557)	21.946.515.784
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>1.341.752.124</i>	<i>7.764.953.688</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(9.219.692.681)</i>	<i>14.181.562.096</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		484.187.447.652	457.230.843.621

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ III		LŨY KẾ 9 THÁNG	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		230.051.982.321	247.959.305.948	735.727.054.058	722.991.886.609
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		106.499.103	200.447.654	217.714.729	347.920.427
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	229.945.483.218	247.758.858.294	735.509.339.329	722.643.966.182
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	227.980.537.877	228.423.354.270	712.147.673.967	687.496.995.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.964.945.341	19.335.504.024	23.361.665.362	35.146.970.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	255.454.620	45.999.371	542.629.218	1.089.004.157
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	187.172.285	254.316.808	604.859.510	807.402.484
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		187.172.285	254.316.808	604.859.510	807.402.484
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.966.216.908	2.734.394.525	9.486.673.157	8.376.895.258
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.902.775.609	6.237.667.098	24.632.371.632	19.422.289.414
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.835.764.841)	10.155.124.964	(10.819.609.719)	7.629.387.582
11. Thu nhập khác	31		550.967.347	949.581.506	1.711.488.483	2.203.378.548
12. Chi phí khác	32		237.405.351	86.387.824	111.571.445	305.467.018
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	313.561.996	863.193.682	1.599.917.038	1.897.911.530
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.522.202.845)	11.018.318.646	(9.219.692.681)	9.527.299.112
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.522.202.845)	11.018.318.646	(9.219.692.681)	9.527.299.112
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	(579)	848	(709)	733
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	(579)	848	(709)	733

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017




VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017


Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.219.692.681)	9.527.299.112
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33.195.535.640	31.961.104.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(542.629.218)	(1.141.276.884)
- Chi phí lãi vay	06		604.859.510	807.402.484
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu				
3. Động	08		24.038.073.251	41.154.529.220
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.384.078.654)	(6.421.022.650)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		51.651.758.473	(6.604.109.665)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		57.258.694.127	44.978.483.889
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(82.506.389.571)	(20.768.154.308)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(604.859.510)	(807.402.484)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.178.813.252)	(2.941.932.760)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		193.234.127	62.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.433.278.401)	(4.594.181.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.034.340.590	44.058.209.306
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(27.559.345.512)	(52.641.873.445)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	52.272.727
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(25.800.000.000)
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		576.212.551	1.155.309.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.983.132.961)	(77.234.291.005)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.733.451.772)	(1.879.144.565)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.393.335.257)	(10.260.935.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.126.787.029)	(12.140.079.945)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.075.579.400)	(45.316.161.644)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		45.735.185.677	55.240.656.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	41.659.606.277	9.924.495.347

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017




VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

MẤU B 09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2

011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ, thương mại

3. Ngành, nghề kinh doanh :

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 446 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 452 người) chưa bao gồm lao động thời vụ.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 thuộc kỳ kế toán thứ 11 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán nước sạch.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Khoản phải thu về lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013" và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định", cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 02 - 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện toàn bộ chi phí cần thiết liên quan đến việc đầu tư, xây dựng, cài tạo ống mục, phát triển mạng lưới phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty chưa hoàn hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cài tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn mới và thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cài tạo ống mục phát sinh từ năm 2016 trở về trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Chi phí gắn mới và thay đồng hồ nước định kỳ phát sinh từ năm 2017 trở về sau được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty lũy kế đến thời điểm lập Báo cáo.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	23.117.459	48.220.501
Tiền gửi ngân hàng	6.636.488.818	19.886.965.176
Tiền đang chuyển		-
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>35.000.000.000</u>	<u>25.800.000.000</u>
Cộng	<u>41.659.606.277</u>	<u>45.735.185.677</u>

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Hòa Bình với lãi suất từ 4,3% tới 4,8%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/09/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	<u>14.763.968.229</u>	<u>1.918.650.732</u>	<u>8.120.013.307</u>	<u>1.918.650.732</u>
Cộng	<u>14.763.968.229</u>	<u>1.918.650.732</u>	<u>8.120.013.307</u>	<u>1.918.650.732</u>

Trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng là bên liên quan:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	<u>3.420.368.118</u>	<u>5.807.393.426</u>
Cộng	<u>3.420.368.118</u>	<u>5.807.393.426</u>

3. Trả trước người bán ngắn hạn

Công ty TNHH TM XD Việt Long	-	1.744.566.842
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.614.682.386
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty TNHH MTV Bá Đức	1.702.000.000	804.000.000
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	504.924.499	460.117.360
	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường	2.196.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	1.217.706.143	
Các khách hàng khác	2.016.131.527	1.197.750.758
Cộng	10.062.266.375	6.631.939.166

Trong đó trả trước người bán ngắn hạn là bên liên quan:

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	504.924.499	460.117.360
Cộng	504.924.499	460.117.360

4. Phải thu khác

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	4.105.978.722	-	4.425.842.752	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	2.988.891.417	-	2.979.831.246	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	455.653.250	-	782.896.675	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	33.583.333	-
Phải thu khác	628.001.055	-	607.506.416	-
Tạm ứng	33.433.000	-	22.025.082	-
b) Phải thu dài hạn khác	154.891.643	-	165.608.583	-
Ký quỹ dài hạn	154.891.643	-	165.608.583	-
Cộng	4.260.870.365	-	4.591.451.335	-

Trong đó phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	2,988,891,417	2,979.831.246
Cộng	2,988,891,417	2,979.831.246

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	14.763.968.229	12.845.317.497	1.918.650.732	8.120.013.307	6.201.362.575	1.918.650.732
Cộng	14.763.968.229	12.845.317.497	1.918.650.732	8.120.013.307	6.201.362.575	1.918.650.732

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

6. Hàng tồn kho

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Nguyên vật liệu	17.751.549.281	20.603.608.652
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	130.128.261	48.929.827.363
Cộng	<u>17.881.677.542</u>	<u>69.533.436.015</u>

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.526.347.806	2.151.994.802
Công cụ dụng cụ	1.526.347.806	1.419.394.798
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên		732.600.004
b) Chi phí trả trước dài hạn	144.552.856.315	59.853.626.943
Chi phí sửa chữa văn phòng	198.293.897	303.483.658
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	125.532.727.717	55.429.235.961
Thay đồng hồ nước	12.233.874.525	3.322.319.142
Chi phí cải tạo ống mục	235.999.151	707.997.447
Chi phí cải tạo ống mục & thay ống mục phục vụ CTTN	1.626.379.409	
Lắp đặt màn sáo	71.178.435	90.590.736
Công cụ dụng cụ	142.087.828	-
Phần mềm ArcGis	3.984.990.837	-
Xây dựng nhà kho vật tư	527.324.516	-
Cộng	<u>146.079.204.121</u>	<u>62.005.621.745</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Tại ngày 01/01/2017	29.000.000.000	1.002.282.486	618.213.860.603	17.866.438.809	666.082.581.898
2. Tăng trong kỳ	-	36.436.000	11.041.265.519	406.602.000	11.484.303.519
<i>Mua sắm mới</i>	-	36.436.000	1.333.636.364	406.602.000	1.776.674.364
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	9.707.629.155	-	9.707.629.155
3. Giảm trong kỳ	-	-	3.825.052.139	-	3.825.052.139
<i>Quyết toán lại</i>	-	-	905.229.489	-	905.229.489
<i>Sửa chữa, tu bổ</i>	-	-	2.919.822.650	-	2.919.822.650
4. Tại ngày 30/09/2017	29.000.000.000	1.038.718.486	625.430.073.983	18.273.040.809	673.741.833.278
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Tại ngày 01/01/2017	580.000.000	905.896.168	414.108.266.825	580.000.000	10.509.839.652
2. Tăng trong kỳ	434.999.997	33.047.914	30.249.845.633	434.999.997	2.197.753.036
3. Giảm trong kỳ	-	-	2.919.822.650	-	-
<i>Sửa chữa, tu bổ</i>	-	-	2.919.822.650	-	-
4. Tại ngày 30/09/2017	1.014.999.997	938.944.082	441.438.289.808	1.014.999.997	12.707.592.688
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2017	28.420.000.000	96.386.318	204.105.593.778	7.356.599.157	239.978.579.253
2. Tại ngày 30/09/2017	27.985.000.003	99.774.404	183.991.784.175	5.565.448.121	217.642.006.703

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Tại ngày 01/01/2017	-	786.666.486	199.915.594.293	3.037.028.188	203.739.288.967
Tại ngày 30/09/2017	-	844.166.486	257.138.825.650	4.609.217.802	262.592.209.938

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Tại ngày 01/01/2017	3.964.186.666	3.964.186.666
2. Tăng trong kỳ	200.000.000	200.000.000
<i>Do mua sắm</i>	200.000.000	200.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2017	4.164.186.666	4.164.186.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Tại ngày 01/01/2017	3.526.749.998	3.526.749.998
2. Tăng trong kỳ	279.889.061	279.889.061
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2017	3.806.639.059	3.806.639.059
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày 01/01/2017	437.436.668	437.436.668
2. Tại ngày 30/09/2017	357.547.607	357.547.607
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
Tại ngày 01/01/2017	3.275.946.666	3.275.946.666
Tại ngày 30/09/2017	3.440.946.666	3.440.946.666

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2017	01/01/2017
Công trình di dời đường ống	12.047.434.265	3.486.901.865
Công trình chống thất thoát nước	2.994.423.148	1.362.079.914
Công trình cải tạo ống mục	-	14.779.519
Công trình ống cái	1.649.022.345	1.435.349.942
Phát triển mạng lưới & thay mới ống mục	4.605.164.152	8.100.964.533
Sửa chữa văn phòng	4.071.580	-
Phần mềm xuất hoá đơn điện tử	1.776.286.100	-
Cộng	23.076.401.590	14.400.075.773

11. Phải trả người bán ngắn hạn

Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	144.357.791.984	89.410.876.491
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	82.250.003	38.392.980
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	74.106.992
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5	2.909.598.399	2.909.598.399
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ	-	1.080.544.967
Công ty Cổ Phần Đầu tư Minh Hòa	-	2.445.907.640
Công ty TNHH Đan Vĩ	16.493.437	671.833.715
Công ty TNHH TM & KT Nhất Thiên Tâm	-	8.032.200
Công ty Cổ Phần ĐT XD Kỳ Nguyên	2.723.438.552	439.418.380
Công ty TNHH TM XD Việt Long	5.036.222.538	-
Nhà cung cấp khác	6.527.254.620	14.059.830.641

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Cộng	161.727.156.525	111.138.542.405
Trong đó phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan:		
	30/09/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	144.357.791.984	89.410.876.491
Cộng	144.357.791.984	89.410.876.491

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Truy thu tiền thất thoát nước	512.237.481	442.165.985
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	204.134.569	123.372.270
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	3.076.871.000	3.076.871.000
Thu tiền nước chưa giải trách	10.717.514.418	-
Các khách hàng khác	158.149.109	33.595.903
Cộng	14.718.906.416	3.726.004.997

Trong đó người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan:

Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Cộng	49.999.839	49.999.839

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/09/2017
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.178.813.252	-	3.178.813.252	-
Thuế thu nhập cá nhân	413.567.647	1.985.272.339	2.357.056.593	41.783.393
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	3.537.898.800	356.548.500	-	3.894.447.300
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.418.509.006	77.053.930.803	78.430.712.058	8.041.727.751
- Phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn	-	720.000	720.000	-
- Phí bảo vệ môi trường	9.418.509.006	77.050.210.803	78.426.992.058	8.041.727.751
Cộng	16.548.788.705	79.395.751.642	83.966.581.903	11.977.958.444

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
 - + Cung cấp nước : 5 %
 - + Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem Thuyết minh số VI.8.
- **Các khoản thuế khác**
Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Trích trước tạm tăng tài sản cố định	13.461.467.219	15.011.166.176
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	42.494.449.182	36.778.802.595
Thù lao Hội đồng quản trị	-	108.000.000
Chi phí khác (kinh phí đăng, dịch vụ vệ sinh)	-	46.112.850
Cộng	<u>55.955.916.401</u>	<u>51.944.081.621</u>

15. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	20.618.224.807	18.847.213.384
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.606.874.356	7.944.490.980
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	150.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	51.790.428	116.790.044
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.737.671.113	3.823.012.123
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	218.854.718	221.737.177
Cổ tức phải trả cho cổ đông	5.791.625.319	1.084.960.576
Các khoản phải trả khác	2.101.408.873	5.506.222.484
b) Phải trả dài hạn khác (*)	21.229.137.196	20.660.321.417
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	21.229.137.196	20.660.321.417
Cộng	<u>41.847.362.003</u>	<u>39.507.534.801</u>

(*) Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

Trong đó phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.606.874.356	7.944.490.980
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	150.000.000
Cộng	<u>7.716.874.356</u>	<u>8.094.490.980</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

- + Thời gian ân hạn : 1 năm
 - + Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ)
 - : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ
 - Từ kỳ 1 tới 35 : : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ
 - : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ
 - Kỳ 36 : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ
 - + Lãi vay : 11,4%/ năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- [5] - Hợp đồng vay : Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
- + Hạn mức vay : 8.155.804.000 VND
 - + Thời gian ân hạn : 1 năm
 - : Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND)
 - + Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : 11,4%/ năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Trong vòng 1 năm	465.717.983	2.199.169.755
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	5.499.949.329	5.499.949.329
Sau 5 năm	-	-
Cộng	5.965.667.312	7.699.119.084
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(465.717.983)	(2.199.169.755)
Số phải trả sau 12 tháng	5.499.949.329	5.499.949.329

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>01/01/2017</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Sử dụng các quỹ trong kỳ</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>30/09/2017</u>
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	2.425.143.608	113.100.000	1.981.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	2.348.047.250	5.650.401	745.666.828
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	678.594.669	660.087.543	74.483.726	92.990.852
Cộng	2.281.871.188	5.778.336.423	5.433.278.401	193.234.127	2.820.163.337

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

18. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	130.000.000.000	51.992.092.191	29.337.865.612	211.329.957.803
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	14.181.562.096	14.181.562.096
Trích lập quỹ Đầu tư Phát triển	-	5.394.575.501	(5.394.575.501)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.784	209.333.183.476
Tại ngày 01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.784	209.333.183.476
Lỗi trong kỳ	-	-	(9,219,692,681)	(9,219,692,681)
Trích lập quỹ Đầu tư Phát triển	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
Tại ngày 30/09/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	(7.877.940.557)	185.235.154.372

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		30/09/2017	01/01/2017
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2,13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	14.200.000.000	10,92	-	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	40.724.480.000	31,33	54.924.480.000	54.924.480.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Cổ phiếu

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 06 tháng 06 năm 2017 như sau:

	<u>9 tháng đầu 2017</u>	<u>2016</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.100.000.000	10.400.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	5.726.427.237	5.394.575.501
Trích quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.549.870.877	2.549.870.877
Quỹ thưởng ban điều hành	678.594.669	678.594.669
Cộng	<u>20.604.763.660</u>	<u>21.572.911.924</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>9 tháng đầu năm 2017</u>	<u>9 tháng đầu năm 2016</u>
Doanh thu thuần cung cấp nước	720.979.438.444	709.264.934.112
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	14.529.900.885	13.379.032.070
Cộng	<u>735.509.339.329</u>	<u>722.643.966.182</u>

Trong đó doanh thu với bên liên quan là:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Cộng

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	702.292.756.770	677.797.819.660
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.854.917.197	9.699.175.941
Cộng	<u>712.147.673.967</u>	<u>687.496.995.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Chi tiết giá vốn theo yếu tố :

	<u>9 tháng đầu năm 2017</u>	<u>9 tháng đầu năm 2016</u>
<u>Giá vốn theo yếu tố kinh doanh nước sạch</u>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	546.661.357.808	565.509.022.848
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	3.909.998.844	2.429.638.494
Chi phí nhân công	46.557.670.883	44.804.798.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.651.605.430	29.016.982.887
Chi phí thuê tài sản hoạt động	42.616.171.126	7.111.957.203
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	28.130.208.942	21.690.315.410
Chi phí chống thất thoát nước	1.420.357.724	1.170.072.837
Chi phí cải tạo ống mục	458.865.797	4.223.474.488
Chi phí sửa bể	1.418.673.856	789.266.051
Chi phí khác	1.467.846.360	1.052.291.412
Tổng chi phí sản xuất	<u>702.292.756.770</u>	<u>677.797.819.660</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	-	-
Giá vốn cung cấp nước	<u>702.292.756.770</u>	<u>677.797.819.660</u>
<u>Giá vốn cung cấp dịch vụ</u>		
Chi phí nguyên vật liệu	7.071.068.198	7.839.932.686
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường -Thuê ngoài	2.917.267.181	1.743.425.648
Tổng chi phí sản xuất	<u>9.988.335.379</u>	<u>9.583.358.334</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	(3.289.921)	153.222.905
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	(130.128.261)	(37.405.299)
Giá vốn dịch vụ	<u>7.071.068.198</u>	<u>9.699.175.941</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	480.109.666	947.568.444
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.519.552	141.435.713
Cộng	<u>542.629.218</u>	<u>1.089.004.157</u>
4. Chi phí tài chính		
Lãi vay	604.859.510	807.402.484
Cộng	<u>604.859.510</u>	<u>807.402.484</u>
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	7.399.054.266	6.523.971.661
Chi phí công cụ, dụng cụ	371.598.351	396.059.568
Chi phí khấu hao	639.361.288	375.646.022
Chi phí bằng tiền khác	1.076.659.252	1.081.218.007
Cộng	<u>9.486.673.157</u>	<u>8.376.895.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên	13.325.558.035	10.851.589.172
Chi phí vật liệu quản lý		64.752.036
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.161.286.781	959.680.049
Chi phí khấu hao	2.904.568.922	2.691.142.628
Thuế, phí và lệ phí	499.915.957	62.086.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.741.041.957	4.793.038.904
Cộng	24.632.371.632	19.422.289.414

7. Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động khác

Thu nhập khác	1.711.488.483	2.203.378.548
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	70.000.007	41.818.186
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	52.272.727
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.557.762.671	1.178.133.721
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước		-
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	24.249.000	-
Thanh lý phế liệu	-	-
Thu nhập khác	59.476.805	62.736.582
Chi phí khác	111.571.445	305.437.018
Thanh lý phế liệu		-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	30.523.180	208.726.691
Nộp chậm thuế	-	199.594
Chi phí khác	81.048.265	10.152.909
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.599.917.038	1.897.911.530

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lỗ kế toán trước thuế	(9.219.692.681)	9.527.299.112
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(15.432.363.115)	3.667.929.780
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	6.212.670.434	5.859.369.332
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	21.334.079	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	21.334.079	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	40%	42%
Thu nhập tính thuế	(9.198.358.602)	9.527.299.112
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	(6.231.367.978)	1.524.672.853
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(9.179.661.058)	2.143.256.927
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	6.212.670.434	5.859.369.332
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	5%	5%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

- Đối với hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9 tháng đầu năm 2017 thuộc năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước, tuy nhiên Công ty không có thu nhập chịu thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.219.692.681)	9.527.299.112
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.219.692.681)	9.527.299.112
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(709)	733

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.219.692.681)	9.527.299.112
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.219.692.681)	9.527.299.112
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng**(9.219.692.681)****9.527.299.112**

13.000.000

Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

-

13.000.000

Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm

-

Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng**13.000.000****13.000.000****Lãi suy giảm trên cổ phiếu****(709)****733)****10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố****9 tháng đầu năm
2017****9 tháng đầu năm
2016**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

557.642.424.851

575.778.594.028

Chi phí nhân công

67.282.283.184

62.180.358.863

Chi phí khấu hao tài sản cố định

33.195.535.640

32.083.771.537

Chi phí dịch vụ mua ngoài

48.357.213.063

11.904.996.107

Chi phí bằng tiền khác

39.789.262.018

33.232.642.131

Cộng**746.266.718.756****715.180.362.666****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng****9 tháng đầu năm
2017****9 tháng đầu năm
2016**

Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán

-

Cổ tức chưa thanh toán

5.791.625.319

1.094.156.576

Lãi tiền gửi còn dự thu

-

-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**9 tháng đầu năm
2017****9 tháng đầu
năm 2016**

Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này

Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này

4.393.335.257

10.260.935.380

Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này

Ứng trước tiền mua tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Công ty Công trình Giao Thông Công Chánh

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>9 tháng đầu năm 2017</u>	<u>9 tháng đầu năm 2016</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	546.661.357.808	565.509.022.848
Mua vật tư	11.236.402.040	18.661.565.896
Mua tài sản	5.201.461.725	
Thuê tài sản hoạt động	42.616.171.126	7.111.957.203
Lãi vay phải trả	604.859.510	807.402.484
Phải trả tiền dịch vụ	118.600.000	
Phải thu do chi hộ	170.399.990	105.737.960
Phải thu do cung cấp dịch vụ	1.512.664.514	2.411.016.610

Công ty Công trình Giao Thông Công Chánh

Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng 80.000.000

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình 127.300.168 53.745.460

Tại ngày 30/09/2017, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/09/2017</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	3.420.368.118	5.807.393.426
Phải thu các khoản chi hộ	2.988.891.417	2.979.831.246
Phải trả thương mại	(144.357.791.984)	(89.410.876.491)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(7.606.874.356)	(7.944.490.980)
Phải trả tiền vay	(5.965.667.312)	(7.699.119.084)
Công ty Công trình Giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(110.000.000)	(150.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(49.999.839)	(49.999.839)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/01/2017
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	504.924.499	460.117.360

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
Tiền lương	1.333.844.960	1.154.076.320
Các khoản bảo hiểm phải trả	57.869.127	40.546.026
Cộng	1.391.714.087	1.194.622.346

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Các loại công cụ tài chính

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.659.606.277	41.659.606.277	45.735.185.677	45.735.185.677
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	12.845.317.497	12.845.317.497	6.201.362.575	6.201.362.575
Phải thu khác	3.143.783.060	3.143.783.060	3.179.023.162	3.179.023.162
Cộng	57.657.036.834	57.657.036.834	55.123.901.414	55.123.901.414
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	161.727.156.525	161.727.156.525	111.138.542.405	111.138.542.405
Chi phí phải trả	55.955.916.401	55.955.916.401	51.944.081.621	51.944.081.621
Phải trả khác	41.576.716.857	41.576.716.857	39.169.007.580	39.169.007.580
Các khoản vay	5.965.667.312	5.965.667.312	7.699.119.084	7.699.119.084
Cộng	265.225.457.095	265.225.457.095	209.950.750.690	209.950.750.690

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2017				
Phải trả cho người bán	161.727.156.525	-	-	161.727.156.525
Chi phí phải trả	55.955.916.401	-	-	55.955.916.401
Phải trả khác	20.347.579.661	21.229.137.196	-	41.576.716.857
Các khoản vay	465.717.983	5.499.949.329	-	5.965.667.312
Cộng	238.496.370.570	26.729.086.525	-	265.225.457.095
Tiền và các khoản tương đương tiền				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	41.659.606.277	-	-	41.659.606.277
	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	12.845.317.497	-	-	12.845.317.497
Phải thu khác	2.988.891.417	154.891.643	-	3.143.783.060
Cộng	57.493.815.191	163.221.643	-	57.657.036.834
Chênh lệch thanh khoản thuần	(181.002.555.379)	(26.565.864.882)	-	(207.568.420.261)

Tại ngày 01/01/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	45.735.185.677	-	-	45.735.185.677
Chi phí phải trả	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải trả khác	6.201.362.575	-	-	6.201.362.575
Các khoản vay	3.013.414.579	165.608.583	-	3.179.023.162
Cộng	54.949.962.831	173.938.583	-	55.123.901.414
<hr/>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.138.542.405	-	-	111.138.542.405
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.944.081.621	-	-	51.944.081.621
Phải thu của khách hàng	18.508.686.163	20.660.321.417	-	39.169.007.580
Phải thu khác	2.199.169.755	5.499.949.329	-	7.699.119.084
Cộng	183.790.479.944	26.160.270.746	-	209.950.750.690
<hr/>				
Chênh lệch thanh khoản thuần	(128.840.517.113)	(25.986.332.163)	-	(154.826.849.276)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có trích trước khoản chi phí gần đồng hồ nước theo Nghị định 117 với số tiền 38.834.406.233 VND bị ghi nhận nhầm thành khoản phải trả người bán ngắn hạn. Công ty đã trình bày lại Báo cáo tài chính năm trước để điều chỉnh sai sót này.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót trên đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Bảng cân đối kế toán

	01/01/2017 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	01/01/2017 (Đã được trình bày lại)
Phải trả người bán ngắn hạn	147.917.345.000	(36.778.802.595)	111.138.542.405
Chi phí phải trả ngắn hạn	15.165.279.026	36.778.802.595	51.944.081.621

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

5. Sự kiện sau ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

TỔNG CÔNG CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

QUÍ III NĂM 2017

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 3 năm 2017 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 3 năm 2017 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng (nước)	226.089.011.590	243.343.186.903	(17.254.175.313)	92,91%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.856.471.628	4.415.671.391	(559.199.763)	87,34%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	229.945.483.218	247.758.858.294	(17.813.375.076)	92,81%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 3 năm 2017 giảm so với quý 3 năm 2016 là 17.813.375.076 đồng, tỷ lệ giảm 7,09% do:

1. Sản lượng nước cung cấp quý 3 năm 2017 giảm so với quý 3 năm 2016 là 2.034.619 m³, tỷ lệ giảm 7,7% làm cho doanh thu giảm 18.715.103.768 đồng, sản lượng tiêu thụ giảm do trong quý 3 năm 2017, Công ty đã bàn giao huyện Bình Chánh về XN Nước Sạch Nông Thôn

2. Giá bán bình quý 3 năm 2017 tăng so với quý 3 năm 2016 là 19 đồng/m³, tỷ lệ tăng 0,2% làm cho doanh thu tăng 501.235.732 đồng

3. Doanh thu truy thu quý 3 năm 2017 tăng so với quý 3 năm 2016 là 966.617.674 đồng, tỷ lệ tăng 181%

4. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 3 năm 2017 giảm so với quý 3 năm 2016 là 559.199.763 đồng, tỷ lệ giảm 12,66%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	223.811.358.696	223.626.633.525	184.725.171	100,08%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	4.169.179.181	4.796.720.745	(627.541.564)	86,92%
Cộng	227.980.537.877	228.423.354.270	(442.816.393)	99,81%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	167.766.248.553	192.348.962.797	(24.582.714.244)	87,22%
Chi phí nguyên vật liệu khác	1.070.870.894	810.882.880	259.988.014	132,06%

Chi phí nhân công	14.453.735.934	14.200.246.189	253.489.745	101,79%
Chi phí khấu hao tài sản	9.511.665.931	10.318.061.731	(806.395.800)	92,18%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	19.957.257.563	2.370.652.401	17.586.605.162	841,85%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	9.376.736.310	-	9.376.736.310	
Chi phí chống thất thoát nước	571.288.142	748.245.282	(176.957.140)	76,35%
Chi phí cải tạo ống mục	235.999.148	2.229.736.818	(1.993.737.670)	10,58%
Chi phí sửa bể	497.641.301	373.765.520	123.875.781	133,14%
Chi phí khác	369.914.921	226.079.907	143.835.014	163,62%
Tổng chi phí sản xuất	223.811.358.696	223.626.633.525	184.725.172	100,08%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	223.811.358.696	223.626.633.525	184.725.172	100,08%

b. Thuyết minh

Giá vốn hàng bán trong quý 3 năm 2017 tăng hơn quý 3 năm 2016 là 184.725.172 đồng, tỷ lệ tăng 100.08% gồm:

1. Chi phí mua si nước sạch giảm do:

Sản lượng nước mua si quý 3 năm 2017 giảm so với quý 3 năm 2016 là 2.611.883 m3, tỷ lệ giảm 7,1% làm cho chi phí mua si nước sạch giảm 12.887.579.217 đồng, sản lượng mua si giảm do trong quý 3 năm 2017, Công ty đã bàn giao huyện Bình Chánh về XN Nước Sạch Nông Thôn.

Giá nước mua si năm 2017 thấp hơn 2016 là 319,43 đồng/m3, tỷ lệ giảm 6.08% làm giảm chi phí mua si nước sạch là 11.695.135.028 đồng

2. Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác tăng 259.988.014 đồng, tỷ lệ tăng 132.06%.

3. Chi phí KHTSCĐ giảm 806.395.800 đồng, tỷ lệ giảm 7,82%

4. Chi phí thuê TSCĐ tăng 17.586.605.162 đồng, tỷ lệ tăng 841,85%

5. Chi phí gắn và thay ĐHN tăng 9.376.736.310 đồng, quý 3 năm 2016 Công ty chưa phân bổ chi phí này

6. Chi phí chống thất thoát nước giảm 176.957.670 đồng, tỷ lệ giảm 23.6%

7. Chi phí cải tạo ống mục giảm 1.993.737.670 đồng, tỷ lệ giảm 89,42%

8. Chi phí sửa bể tăng 123.875.781 đồng, tỷ lệ tăng 133.14%

9. Chi phí khác tăng 143.835.014 đồng, tỷ lệ tăng 163.62%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2.251.220.175	2.150.245.786	100.974.389	104,70%
Chi phí công cụ dụng cụ	137.237.987	75.809.650	61.428.337	181,03%
Chi phí khấu hao	231.703.410	117.177.648	114.525.762	197,74%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	346.055.336	391.161.441	(45.106.105)	88,47%
Cộng	2.966.216.908	2.734.394.525	231.822.383	108,48%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 3 năm 2017 tăng so với quý 3 năm 2016, tăng 231.822.383 đồng, tỷ lệ tăng 108,48%

1. Chi phí công cụ dụng cụ tăng 61.428.337 đồng, tỷ lệ tăng 181,03%

2. Chi phí khấu hao tăng 114.525.762 đồng, tỷ lệ tăng 197,74%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3.895.291.448	3.824.251.676	71.039.772	101,86%
Chi phí công cụ dụng cụ	314.598.750	228.289.319	86.309.431	137,81%
Chi phí khấu hao	980.380.319	921.354.885	59.025.434	106,41%
Thuế, phí chuyển tiền	49.351.563	20.941.600	28.409.963	235,66%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	1.663.153.529	1.242.829.618	420.323.911	133,82%
Cộng	6.902.775.609	6.237.667.098	665.108.511	110,66%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 3 năm 2017 tăng so với quý 3 năm 2016 là 665.108.511 đồng, tỷ lệ tăng 110,66% do:

- Chi phí công cụ dụng cụ tăng 86.309.431 đồng, tỷ lệ tăng 137,81%
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, CP khác tăng là 420.323.911 đồng, tỷ lệ tăng 133,82%

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	240.093.033		240.093.033	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.361.587	45.999.371	(30.637.784)	33,40%
Cộng	255.454.620	45.999.371	209.455.249	555,34%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 3 năm 2017 tăng so với quý 3 năm 2016 là 209.455.249 đồng, tỷ lệ tăng 555,34% do quý 3 năm 2017 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn cao hơn so với quý 3 năm 2016

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	187.172.285	254.316.808	(67.144.523)	73,60%
Cộng	187.172.285	254.316.808	(67.144.523)	73,60%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của quý 3 năm 2017 giảm so với quý 3 năm 2016 là 67.144.523 đồng, tỷ lệ giảm 26,4% do chi phí hoạt động tài chính giảm dần theo số dư nợ

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	3.635.684	116.363.648	(112.727.964)	3,12%

Thu tiền KH đầu tư ồng cái	504.239.840	752.053.684	(247.813.844)	67,05%
Thu tiền thanh lý tài sản		52.272.727	(52.272.727)	
Thu khác	43.091.823	28.891.447	14.200.376	149,15%
Cộng	550.967.347	949.581.506	(398.614.159)	58,02%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 3 năm 2017 giảm so với quý 3 năm 2016 là 398.614.159 đồng, tỷ lệ giảm 41,98%

IIX. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thanh lý		11.375.000	(11.375.000)	
Đăng báo mời thầu		6.300.000	(6.300.000)	
Chi phí ồng cái do KH đầu tư không hoàn vốn	151.834.766	68.712.824	83.121.942	220,97%
Khác	85.570.585	-	85.570.585	
Cộng	237.405.351	86.387.824	151.017.527	274,81%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 3 năm 2017 tăng so với quý 3 năm 2016 là 151.017.527 đồng, tỷ lệ tăng 274,81% chủ yếu do chi phí đầu tư ồng cái và chi phí khác tăng.

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2017	Quý III năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(7.522.202.845)	11.018.318.646	(18.540.521.492)	-68,27%

b. Thuyết minh:

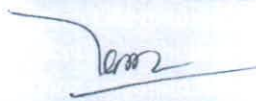
Qua phân tích các chi tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 3 năm 2017 lỗ 7.522.202.845 đồng, thấp hơn quý 3 năm 2016 là 18.540.521.492 đồng

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KÊ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Quận 5, ngày 16 tháng 10 năm 2017



LÊ TRỌNG HIẾU